Mô hình Use case

PHẦN MÊM QUẢN LÝ KHÁCH SẠN

Version 1.4

Sinh viên thực hiện:

1512389 – TRƯƠNG THÀNH NHƠN

1512403 – HUỲNH PHI PHÚC

1512405 – NGUYỄN VĂN PHÚC

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 27/03/2018 | 1.0 | Thêm Sơ đồ Use case, Danh sách Actor, Danh sách Use case | Trương Thành Nhơn |
| 29/03/2018 | 1.1 | Thêm Đặc tả Use case mục 4.11 đến 4.15 | Trương Thành Nhơn |
| 31/03/2018 | 1.2 | Thêm Đặc tả Use case mục 4.1 đến 4.5 | Nguyễn Văn Phúc |
| 31/03/2018 | 1.3 | Thêm Đặc tả Use case mục 4.6 đến 4.10 | Huỳnh Phi Phúc |
| 31/03/2018 | 1.4 | Định dạng và hoàn thiện tài liệu | Trương Thành Nhơn |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc510286473)

[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc510286474)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc510286475)

[4. Đặc tả Use-case 4](#_Toc510286476)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tra cứu phòng” 4](#_Toc510286477)

[4.2 Đặc tả Use-case “Tra cứu khách hàng” 4](#_Toc510286478)

[4.3 Đặc tả Use-case “Tra cứu dịch vụ” 5](#_Toc510286479)

[4.4 Đặc tả Use-case “Quản lý khách hàng” 6](#_Toc510286480)

[4.5 Đặc tả Use-case “Quản lý phòng” 7](#_Toc510286481)

[4.6 Đặc tả Use-case “Quản lý loại phòng” 8](#_Toc510286482)

[4.7 Đặc tả Use-case “Quản lý dịch vụ” 9](#_Toc510286483)

[4.8 Đặc tả Use-case “Đổi phòng” 10](#_Toc510286484)

[4.9 Đặc tả Use-case “Ghi nhận các dịch vụ” 11](#_Toc510286485)

[4.10 Đặc tả Use-case “Đổi trạng thái phòng” 12](#_Toc510286486)

[4.11 Đặc tả Use-case “Nhận đặt phòng” 13](#_Toc510286487)

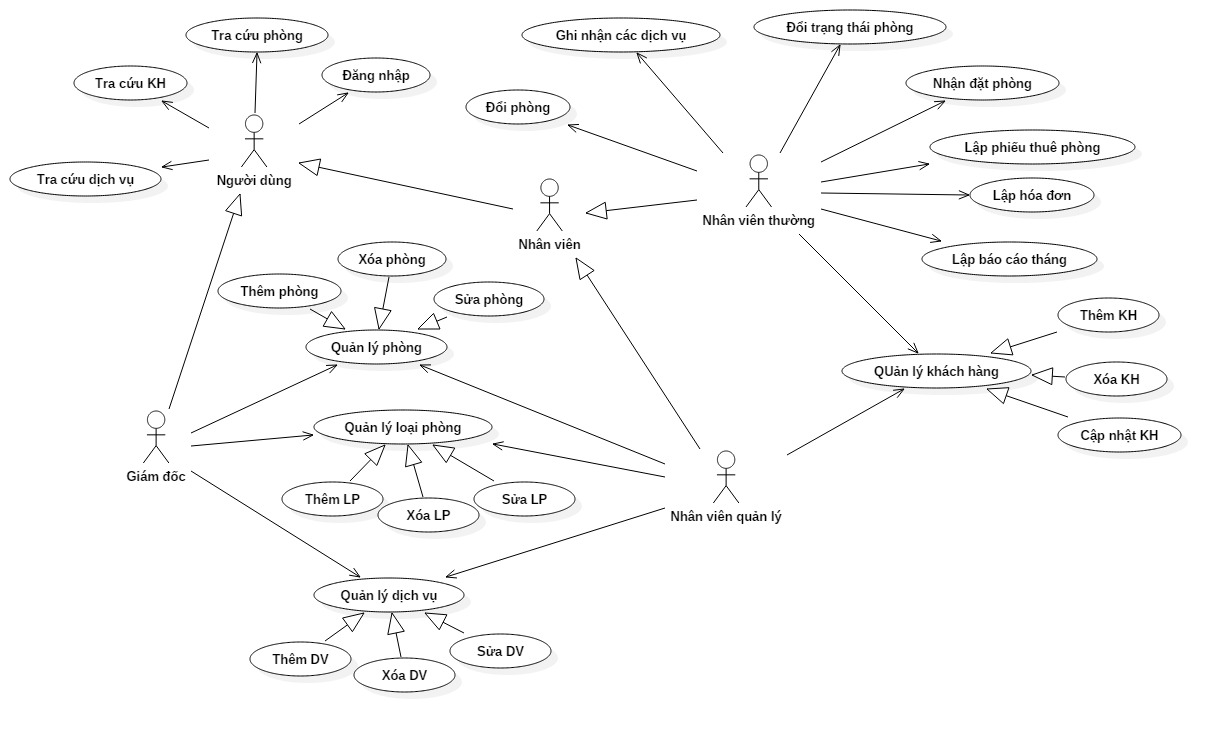
[4.12 Đặc tả Use-case “Lập phiếu thuê phòng” 14](#_Toc510286488)

[4.13 Đặc tả Use-case “Lập hóa đơn” 15](#_Toc510286489)

[4.14 Đặc tả Use-case “Lập báo cáo tháng” 15](#_Toc510286490)

[4.15 Đặc tả Use-case “Đăng nhập” 16](#_Toc510286491)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Người dùng | Class chung nhất, dùng để kế thừa |
| 2 | Giám đốc | Kế thừa từ class Người dùng |
| 3 | Nhân viên | Kế thừa từ class Người dùng |
| 4 | Nhân viên thường | Kế thừa từ class Nhân viên |
| 5 | Nhân viên quản lý | Kế thừa từ class Nhân viên |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Tra cứu phòng | Tra cứu thông tin phòng trong danh sách phòng |
| 2 | Tra cứu khách hàng | Tra cứu thông tin khách hàng trong danh sách khách hàng |
| 3 | Tra cứu dịch vụ | Tra cứu thông tin dịch vụ trong danh sách dịch vụ |
| 4 | Quản lý khách hàng | Thêm, Xóa, Sửa khách hàng |
| 5 | Quản lý phòng | Thêm, Xóa, Sửa phòng |
| 6 | Quản lý loại phòng | Thêm, Xóa, Sửa loại phòng |
| 7 | Quản lý dịch vụ | Thêm, Xóa, Sửa dịch vụ |
| 8 | Đổi phòng | Chuyển thông tin khách thuê từ phòng này sang phòng khác |
| 9 | Ghi nhận các dịch vụ | Ghi nhận lại các dịch vụ mà khách thuê sử dụng để ghi vào hóa đơn |
| 10 | Đổi trạng thái phòng | Thay đổi trạng thái của phòng khách đang thuê |
| 11 | Nhận đặt phòng | Ghi nhận phòng đã được khách đặt trước |
| 12 | Lập phiếu thuê phòng | Khi khách đến thuê phòng, ghi nhận lại thông tin khách thuê. |
| 13 | Lập hóa đơn | Khi khách trả phòng, lập hóa đơn phòng thuê. |
| 14 | Lập báo cáo tháng | Thống kê và xuất ra báo cáo tháng. |
| 15 | Đăng nhập |  |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Tra cứu phòng”

### Tóm tắt

*Use-case cho phép actor (Nhân viên, giám đốc) tra cứu thông tin phòng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. *Chọn chức năng “tra cứu phòng”.*
2. *Nhập ID phòng muốn tra cứu.*
3. *Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin phòng cho actor xem.*
4. *Sự kiện kết thúc khi actor tắt cửa sổ “tra cứu phòng”.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 3, hệ thống không tìm thấy phòng cần tra cứu thì:*

1. *Hệ thống thông báo không tìm thấy.*
2. *Trở lại bước 2.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Actor phải đăng nhập vào hệ thống trước khi bắt đầu use-case.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Trạng thái của hệ thông không thay đổi sau khi thực hiện use-case*

### Điểm mở rộng

*“Không có”.*

## Đặc tả Use-case “Tra cứu khách hàng”

### Tóm tắt

*Use-case cho phép actor (nhân viên, quản lý, giám đốc) tra cứu thông tin của khách hàng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use-case bắt đầu khi actor muốn tra cứu thông tin của khách hàng.*

1. *Người dùng chọn chức năng Tra cứu khách hàng.*
2. *Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu.*
3. *Nhập tên khách hàng cần tra cứu.*
4. *Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin của khách hàng cần tra cứu.*
5. *Tắt cửa sổ “tra cứu khách hàng” để kết thúc use-case.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 4, hệ thống không tìm thấy phòng cần tra cứu thì:*

1. *Hệ thống thông báo không tìm thấy.*
2. *Trở lại bước 3.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Actor phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Hệ thống không thay đổi sau khi use-case kết thúc.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Tra cứu dịch vụ”

### Tóm tắt

*Cho phép actor (Nhân viên,Quản lý, Giám đốc) tra cứu thông tin dịch vụ.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use-case bắt đầu khi actor muốn tra cứu thông tin của các dịch vụ có trong khách sạn.*

1. *Người dùng chọn chức năng Tra cứu dịch vụ.*
2. *Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu.*
3. *Nhập tên dịch vụ cần tra cứu.*
4. *Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin của dịch vụ cần tra cứu.*
5. *Tắt cửa sổ để kết thúc use-case.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 4, hệ thống không tìm thấy dịch vụ cần tra cứu thì:*

1. *Hệ thống thông báo không tìm thấy.*
2. *Trở lại bước 3.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Actor phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Hệ thống không thay đổi sau khi use-case kết thúc.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”.*

## Đặc tả Use-case “Quản lý khách hàng”

### Tóm tắt

*Cho phép actor (Nhân viên,Quản lý, Giám đốc) quản lý thông tin của khách hàng trong hệ thống, bao gồm: thêm, chỉnh sửa, xóa thông tin khách hàng trong hệ thống.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case này bắt đầu khi actor  muốn thêm, thay đổi, và/hoặc xóa thông tin khách hàng trong hệ thống.*

1. *Chọn chức năng muốn thực hiện: thêm, sửa, xóa thông tin khách hàng.*
2. *Sau khi chức năng đã được chọn, chức năng được chọn sẽ được bắt đầu:*
   1. *Thêm khách hàng*
      1. *Hệ thống yêu cầu nhập thông tin khách hàng bao gồm: Họ tên, số cmnd, địa chỉ, số điện thoại,…*
      2. *Hệ thống gán cho khách hàng 1 mã ID và lưu thông tin khách hàng vào hệ thống.*
      3. *Hệ thống cung cấp mã ID cho khách hàng và kết thúc use-case.*
   2. *Chỉnh sửa thông tin khách hàng*
      1. *Hệ thống yêu cầu nhập ID của khách hàng cần sửa thông tin.*
      2. *Actor nhập ID của khách hàng.*
      3. *Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin của khách hàng đã nhập.*
      4. *Actor tiến hành thay đổi thông tin của khách hàng (bao gồm các trường trong phần Thêm khách hàng).*
      5. *Actor nhấp “Cập nhật”*
      6. *Hệ thống sẽ cập nhật thông tin và xuất thông bào cập nhật thành công. Kết thúc use-case.*
   3. *Xóa khách hàng*
      1. *Hệ thống yêu cầu nhập ID của khách hàng muốn xóa.*
      2. *Actor nhập ID của khách hàng.*
      3. *Hệ thống truy xuất và hiển thị thông tin của khách hàng đã nhập.*
      4. *Actor nhấp “Xóa khách hàng”.*
      5. *Hệ thống hiển thị nhắc nhở “có thực sự muốn xóa khách hàng ra khỏi danh sách”*
      6. *Actor nhấp “yes”*
      7. *Hệ thống xóa thông tin của khách hàng vào hiển thị thông báo xóa thành công. Kết thúc use-case.*

#### Các dòng sự kiện khác

4.4.2.2.1 Không tìm thấy khách hàng

*Nếu ID khách hàng được nhập vào không có trong danh sách các khách hàng ở các luồng sự kiện phụ,hệ thống sẽ xuất thông báo lỗi tìm kiếm, use-case sẽ trở về điểm bắt đầu của luồng sự kiện phụ đó.*

4.4.2.2.2 Hủy thao tác xóa

*Nếu Actor nhấp “no” ở luồng sự kiện phụ “Xóa khách hàng”, các thao tác sau của luồng phụ này bị hủy và use-case bắt đầu lại từ đầu.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Actor phải đăng nhập vào hệ thống trước khi use-case bắt đầu.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu use-case thành công, thông tin khách hàng sẽ được thêm, sửa, xóa trong hệ thống. ngược lại hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Quản lý phòng”

### Tóm tắt

*Giám đốc và nhân viên quản lý sử dụng use case này để quan lý phòng bao gồm các chức năng Thêm Phòng, Xóa phòng, Sửa phòng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*1. Actor chọn chức năng muốn thực hiện là xem/ thêm/ xoá / sửa với thông tin chi tiết phòng*

*2.1 Actor (nhân viên, quản lý, giám đốc) chọn ‘Xem’.*

*2.1.1. Hiện lên khung thông tin chi tiết phòng*

*2.1.2 Chọn vào nút Ok để thoát khỏi màn hình “Xem”*

*2.2. Actor (quản lý, giám đốc) chọn ‘Thêm’.*

*2.2.1. Hiện lên màn hình để nhập các thông tin của phòng.*

*2.2.2. Chọn vào nút Thêm.*

*2.2.3. Hiện ra thông báo Thêm thành công nếu như thành công.*

*2.3 Actor (quản lý, giám đốc) chọn ‘Xóa’.*

*2.3.1. Hiện lên thông báo xác nhận việc Xóa.*

*2.3.2. Hiện thông báo Xóa thành công nếu thành công*

*2.4. Actor (quản lý, giám đốc) chọn ‘Sửa”.*

*2.4.1. Hiện lên khung hiện thông tìn muốn sửa.*

*2.4.2. Chọn vào nút Sửa.*

*2.4.3. Hiện lên thông báo Sửa thành công nếu thành công.*

#### Các dòng sự kiện khác

*“Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Phải là giám đốc hoặc quản lý mới sử dụng được use case này.*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Người dùng phải có tài khoản riêng dành cho giám đốc hoặc tài khoản của quản lý và đăng nhập thành công.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu use case thành công, các thông tin loại phòng/ chi tiết loại phòng mà actor vưà thao tác sẽ được cập nhật. Ngược lại, trạng thái của hệ thống vãn không đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Quản lý loại phòng”

### Tóm tắt

*Giám đốc và nhân viên quản lý sử dụng use case này để quan lý loại phòng bao gồm các chức năng Thêm Phòng, Xóa phòng, Sửa loại phòng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem hay thêm hay xoá hay sửa  thông tin chi tiết phòng*

*1. Hệ thống cho phép actor chọn chức năng muốn thực hiện là xem/ thêm/ xoá / sửa với thông tin chi tiết loại phòng*

*2. Nếu Actor muốn ‘Xem’*

*2.1. Actor click vào một ‘Loại phòng’ từ list Loại phòng*

*2.2. Hệ thống hiển thị thông tin phòng gồm: Giá, Số người tối đa, và một Danh sách gồm các phòng, tình trạng tương ứng từng phòng cuả loại phòng đó*

*3. Nếu Actor Chọn chức năng “Thêm”*

*3.1. Actor nhập Loại phòng mới (vd: Trung bình, Đặc biệt, thượng hạng…) mà actor muốn thêm vào danh sách loại phòng*

*3.2. Hiện lên màn hình Thông tin Loại phòng vừa nhập*

*3.3 Actor có thể thêm vào tiếp thông tin chi tiết (danh sách gồm tên các  phòng, tình trạng, giá, số người tối đa tương ứng từng phòng) ứng với loại phòng vưà thêm.*

*3.4. Actor có thể thêm thông tin chi tiết phòng (tên phòng, tình trạng, giá, số người tối đa)  vào một loại phòng đã có trong danh sách*

*3.4.1. Hệ thống cho actor chọn loại phòng trong danh sách loại phòng*

*3.4.2. Thêm vào thông tin chi tiết phòng như 3.4.*

*4. Nếu Actor chọn ‘Xóa’*

*4.1. Actor chọn loại phòng muốn xoá*

*4.2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết tương ứng với loại phòng, để actor xác nhận lại xem có đúng thông tin chi tiết phòng mà mình muốn xoá không.*

*4.3 Actor đồng ý xoá loại phòng thì danh sách các phòng ứng với loại phòng đó sẽ có thông tin loại phòng là Null*

*4.4. Hệ thống thông báo Xóa thành công*

*5. Nếu Actor chọn ‘Sửa’*

*5.1. Actor chọn loại phòng muốn Sửa*

*5.2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết tương ứng với loại phòng*

*5.3. Actor sửa thông tin mà mình muốn sau đó chọn Xác nhận.*

*5.4. Hệ thống thông báo Sửa thành công.*

#### Các dòng sự kiện khác

*“Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Phải là giám đốc hoặc quản lý mới sử dụng được use case này*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Người dùng phải có tài khoản riêng dành cho giám đốc hoặc tài khoản của quản lý và đăng nhập thành công*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu use case thành công, các thông tin loại phòng/ chi tiết loại phòng mà actor vưà thao tác sẽ được cập nhật. Ngược lại, trạng thái của hệ thống vãn không đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Quản lý dịch vụ”

### Tóm tắt

*Use case này cho phép actor (nhân viên quản lý, giám đốc) xem, xoá, sửa thông tin chi tiết từng loại dịch vụ.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem hay thêm hay xoá hay sửa  thông tin chi tiết loại dịch vụ/*

*1. Actor chọn chức năng muốn thực hiện là xem/ thêm/ xoá / sửa với thông tin dịch vụ*

*2. Nếu Actor(nhân viên, quản lý, giám đốc) chọn ‘Xem’.*

*2.1. Hiện lên khung thông tin chi tiết dịch vụ*

*2.2 Chọn vào nút Ok để thoát khỏi màn hình “Xem”*

*3. Nếu Actor (quản lý, giám đốc) chọn ‘Thêm’.*

*3.1. Hiện lên màn hình để nhập các thông tin dịch vụ*

*3.2 Actor nhập thông tin. Sau đó chọn vào nút Thêm.*

*3.3. Hiện ra thông báo Thêm thành công nếu như thành công.*

*4. Nếu Actor (quản lý, giám đốc) chọn ‘Xóa’.*

*4.1. Hiện lên thông báo xác nhận việc Xóa.*

*4.2. Hiện thông báo Xóa thành công nếu thành công*

*5. Nếu Actor ( quản lý, giám đốc) chọn ‘Sửa”.*

*5.1. Hiện lên khung hiện thông tìn muốn sửa.*

*5.2 Actor sửa thông tin mình muốn sau đó chọn vào nút Sửa.*

*2.4.3. Hiện lên thông báo Sửa thành công nếu thành công.*

#### Các dòng sự kiện khác

*“Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Phải là giám đốc hoặc quản lý mới sử dụng được use case này*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Người dùng phải có tài khoản riêng dành cho giám đốc hoặc tài khoản của quản lý và đăng nhập thành công*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu use case thành công, Thông tin dịch vụ sẽ được cập nhật. Ngược lại, trang thái của hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Đổi phòng”

### Tóm tắt

*Use case này cho phép Nhân viên đổi phòng khi được khách hang yêu cầu.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case này bắt đầu khi một actor muốn đổi phòng*

*1. Actor click vào nút Đổi phòng*

*2. Xuất hiện bảng Đổi phòng (Biểu mẫu 5)*

*3. Actor nhập vào phòng muốn đổi và nhập lý do vào ghi chú*

*4. Hiện thông báo đổi phòng thành công.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Không còn phòng nào trống: Khi actor click nào nút Đổi phòng sẽ hiện thông báo không còn phòng trống.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu use case thành công, Thông tin 2 phòng sẽ được cập nhật. Ngược lại, trang thái của hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Ghi nhận các dịch vụ”

### Tóm tắt

*Use case này cho phép Nhân viên thường ghi nhận vào hệ thống các dịch vụ (đồ ăn, đồ uống, massage, xông hơi,…) mà khách hàng đã sử dụng. Những thông tin được ghi nhận sẽ có trong hóa đơn khi khách hàng trả phòng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi khách hàng yêu cầu sử dụng các dịch vụ trong khách sạn.*

1. *Nhân viên chọn phòng mà khách hàng cần dịch vụ đang ở. Chọn chức năng Cập nhật dịch vụ.*
2. *Hệ thống hiển thị màn hình Cập nhật dịch vụ.*
3. *Nhân viên thêm các dịch vụ mà khách đã yêu cầu, ghi nhận số lượng. Sau cùng, chọn Lưu.*
4. *Hệ thống ghi nhận lại thông tin các dịch vụ.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 3, Nhân viên chọn Hủy thì*

1. *Hệ thống thông báo xác nhận hủy việc Cập nhật dịch vụ.*
2. *Nhân viên chọn xác nhận.*
3. *Hệ thống hủy các thông tin dịch vụ mà Nhân viên vừa thêm, không lưu vào hệ thống.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Phòng được chọn phải ở trạng thái Đang thuê và Khách đang ở trong phòng. Không thể ghi nhận việc sử dụng dịch vụ đối với phòng trống hoặc khi tất cả khách ra ngoài.*

*Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Sau khi thực hiện Use case, nếu thành công, các thông tin về các dịch vụ được chọn (mã số dịch vụ, số lượng, đơn giá, phòng sử dụng, ngày sử dụng và thành tiền) sẽ được ghi nhận lại vào hệ thống để in vào hóa đơn khi khách trả phòng; ngược lại, hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Đổi trạng thái phòng”

### Tóm tắt

*Use case này cho phép Nhân viên cập nhật trạng thái hiện tại của phòng. Các trạng thái của phòng sẽ được đề cập sau.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi trạng thái của phòng thay đổi so với trước đó.*

1. *Nhân viên chọn phòng và chọn mục Thay đổi trạng thái.*
2. *Các trạng thái của phòng mà nhân viên có thể chọn như sau:*
   1. *Khách trong phòng.*
   2. *Khách ra ngoài.*
   3. *Đang dọn dẹp.*
   4. *Đang sửa chữa.*

*3. Hệ thống cập nhật trạng thái phòng theo lựa chọn của Nhân viên.*

#### Các dòng sự kiện khác

*“Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Các trạng thái của phòng chỉ có thể tồn tại duy nhất, không tồn tại 2 trạng thái cùng lúc, ngoại trừ 2 trạng thái có thể tồn tại cùng lúc là “Khách ra ngoài” và “Đang dọn dẹp (vì khách có thể có nhu cầu dọn dẹp lại phòng khi mình đi ra ngoài).*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

1. *Đối với trạng thái “Khách trong phòng” và “Khách ra ngoài” thì chỉ có thể chọn khi phòng đang được thuê.*
2. *Đối với trạng thái “Đang sửa chữa” thì chỉ có thể chọn khi phòng còn trống (chưa được thuê).*
3. *Đối với trạng thái “Đang dọn dẹp” thì chỉ có thể chọn khi phòng còn trống hoặc phòng đang được thuê với trạng thái “Khách ra ngoài”.*
4. *Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

1. *Khi trạng thái “Khách ra ngoài” được chọn, các chức năng như Trả phòng, Cập nhật dịch vụ, Đổi phòng sẽ bị khóa.*
2. *Khi trạng thái “Khách trong phòng” được chọn, có thể dùng các chức năng trên.*
3. *Khi trạng thái “Đang sửa chữa” được chọn, không thể cho thuê phòng đó.*
4. *Khi trạng thái “Đang dọn dẹp” được chọn, tương tự trường hợp 1.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Nhận đặt phòng”

### Tóm tắt

*Use case cho phép nhân viên ghi nhận việc khách đặt trước một phòng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi khách hàng muốn đặt trước một phòng.*

1. *Nhân viên chọn một phòng và chọn chức năng Nhận đặt phòng.*
2. *Hệ thống hiển thị màn hình Đặt phòng.*
3. *Nhân viên nhập các thông tin về khách hàng như: Họ tên, CMND, Số điện thoại, Ngày bắt đầu thuê. Sau cùng chọn Lưu để hoàn tất.*
4. *Hệ thống ghi nhận lại phòng hiện tại đã được đặt trước và lưu các thông tin trên.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 3, Nhân viên chọn Hủy thì:*

1. *Hệ thống thông báo xác nhận việc hủy đặt phòng.*
2. *Nhân viên chọn xác nhận.*
3. *Hệ thống hủy các thông tin vừa được nhập.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Trước khi Use case được thực hiện, phòng được chọn phải chưa được thuê.*

*Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Sau khi thực hiện Use case, nếu thành công, phòng được chọn ở tình trạng Được đặt trước và chỉ có thể được thuê bởi khách hàng có thông tin trùng với thông tin được lưu từ trước; ngược lại, hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Lập phiếu thuê phòng”

### Tóm tắt

*Use case cho phép Nhân viên ghi nhận thông tin thuê phòng của khách hàng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi Nhân viên tiếp nhận khách đến thuê phòng.*

1. *Nhân viên chọn một phòng trống và chọn chức năng Thuê phòng.*
2. *Hệ thống hiển thị màn hình Thuê phòng.*
3. *Nhân viên chọn mục Thêm khách thuê.*
4. *Hệ thống hiển thị màn hình Thêm khách thuê.*
5. *Nhân viên nhập thông tin khách thuê và chọn Lưu.*
6. *Trong màn hình Thuê phòng ở mục khách thuê xuất hiện một dòng thông tin khách thuê vừa được nhập.*
7. *Nhân viên chọn Xác nhận để hoàn tất việc tiếp nhận thuê phòng.*
8. *Hệ thống lưu thông tin và phòng được chọn ở tình trạng đang được thuê và trạng thái “Khách trong phòng”.*

#### Các dòng sự kiện khác

1. *Nếu ở bước 5, Nhân viên chọn hủy thì*
   1. *Hệ thống thông báo xác nhận việc hủy nhập thông tin khách thuê.*
   2. *Nhân viên chọn xác nhận.*
   3. *Hệ thống tắt màn hình Thêm khách thuê, trở lại màn hình Thuê phòng.*
2. *Nếu ở bước 7, Nhân viên chọn hủy thì*
   1. *Hệ thống thông báo xác nhận việc hủy tiếp nhận thuê phòng.*
   2. *Nhân viên chọn xác nhận.*
   3. *Hệ thống hủy toàn bộ thông tin vừa nhập và trở lại màn hình chính.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Phòng được chọn phải ở tình trạng chưa được thuê mới có thể dùng chức năng này.*

*Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu thành công, phòng được chọn ở tình trạng đang được thuê và trạng thái thành “Khách trong phòng”; ngược lại, hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Lập hóa đơn”

### Tóm tắt

*Use case cho phép Nhân viên thực hiện cho khách trả phòng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi khách hàng muốn trả phòng.*

1. *Nhân viên chọn phòng mà khách đang thuê và chọn Trả phòng.*
2. *Hệ thống hiển thị màn hình Trả phòng, thể hiện tất cả các chi phí và thông tin của phòng được thuê như tiền phòng, chi phí các dịch vụ, số ngày thuê, thành tiền.*
3. *Nhân viên chọn xác nhận việc trả phòng và hoàn tất.*
4. *Hệ thống ghi nhận việc trả phòng và chuyển tình trạng phòng từ đang thuê thành còn trống.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 3, Nhân viên chọn hủy thì*

1. *Hệ thống thông báo xác nhận việc hủy.*
2. *Nhân viên chọn xác nhận.*
3. *Hệ thống hủy bỏ việc trả phòng, để nguyên trạng thái phòng hiện tại.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Phòng được chọn phải trong tình trạng đang được thuê mới có thể thực hiện trả phòng.*

*Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu thành công, phòng sau khi trả trở lại tình trạng còn trống; ngược lại, hệ thống không thay đổi*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Lập báo cáo tháng”

### Tóm tắt

*Use case cho phép Nhân viên lập báo cáo tháng.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi Nhân viên muốn lập báo cáo tháng*

1. *Nhân viên chọn chức năng Lập báo cáo và lựa chọn loại báo cáo muốn lập. Có 2 loại: Báo cáo doanh thu theo loại phòng và Báo cáo mật độ sử dụng phòng*
2. *Hệ thống hiển thị ra màn hình báo cáo tương ứng.*
3. *Nhân viên nhấn chọn xuất ra MS Word.*
4. *Hệ thống tạo ra file Word về báo cáo đã chọn.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 3, nếu Nhân viên chọn hủy thì*

1. *Hệ thống thông báo xác nhận hủy.*
2. *Nhân viên chọn xác nhận.*
3. *Hệ thống hủy báo cáo hiện tại và trở lại màn hình chính.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu thành công, hệ thống ghi nhận lại việc xuất báo cáo vào ngày giờ hiện tại; ngược lại, hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*

## Đặc tả Use-case “Đăng nhập”

### Tóm tắt

*Use case cho phép Người dùng đăng nhập vào hệ thống. Khi chương trình khởi động, Người dùng bắt buộc phải Đăng nhập trước khi dùng các chức năng khác.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Use case bắt đầu khi Người dùng muốn đăng nhập*

1. *Người dùng khởi động hệ thống*
2. *Hệ thống hiển thị ra màn hình Đăng nhập.*
3. *Người dùng nhập User name và Password. Sau đó chọn Đăng nhập để hoàn tất.*
4. *Hệ thống hiển thị màn hình chính với tài khoản Người dùng tương ứng.*

#### Các dòng sự kiện khác

*Nếu ở bước 3, Người dùng nhập sai User name hoặc Password thì:*

1. *Hệ thống thông báo “User name hoặc Password không đúng”.*
2. *Người dùng nhập lại thông tin.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*“Không có”*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Nếu thành công, hệ thống hiển thị màn hình chính với tài khoản Người dùng tương ứng; ngược lại, hệ thống không thay đổi.*

### Điểm mở rộng

*“Không có”*